PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ QUÝ IV NĂM 2022 NHÀ MÁY CÁN THÉP LƯU XÁ

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3730/2022 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Cán thép Lưu Xá
4	Loại mẫu	Khí thải
5	Ký hiệu mẫu	**KTOK-3.23a.4-8**
6	Vị trí mẫu	Tại ống khói lò nung
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'27,4" Vĩ độ: 21o33'17,1"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 7242:2003; US EPA method 1÷5; US EPA method 7; US EPA method 8, US EPA method 29
9	Ngày lấy mẫu	12/10/2022
10	Ngày phân tích	13/10/2022 đến 20/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 51:2017/BTNMT (A1)
1	Lưu lượng(*)	US EPA method 2	m^3/phút	1301	-
2	Bụi tổng(*)	US EPA method 5	mg/Nm^3	<20	200
3	CO(*)	TCVN 7242:2003	mg/Nm^3	<63	1000
4	NO_x(*)	US EPA method 7	mg/Nm^3	20,7	850
5	SO_2(*)	US EPA method 8	mg/Nm^3	29,9	500

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3+31/2022 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Cán thép Lưu Xá
4	Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
5	Ký hiệu mẫu	**NTSH-3.23a.4-9**
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sinh hoạt của nhà máy ra môi trường
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'19,3" Vĩ độ: 21o33'18,1"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
9	Ngày lấy mẫu	12/10/2022
10	Ngày phân tích	13/10/2022 đến 20/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,5	5-9	5-9
2	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	2,04	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<15	-	-
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	2,6	50	100
5	S^{2-}(*)	SMEWW 4500S2-.D:2017	mg/L	<0,1	1	4
6	NH_4^+-N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
7	NO_3^--N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	0,44	30	50
8	PO_4^{3-}-P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,1	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	200	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tông

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

ilac-MRA

BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM

VILAS 154

Số: 3435/2022 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Cán thép Thái Nguyên
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Ký hiệu mẫu	**NTSH-3.23a.4-S**
Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sinh hoạt số 2
Tọa độ	Kinh độ: 105o52'13,3" Vĩ độ: 21o33'28,2"
Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
Ngày lấy mẫu	12/10/2022
Ngày phân tích	13/10/2022 đến 20/10/2022

Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT	
				A	B
pH	TCVN 6492:2011	-	7,8	5-9	5-9
BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	45,18	30	50
COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	79,47	-	-
TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	7,2	50	100
Pb	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	-	-
Cu	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0013	-	-
Zn	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,01	-	-
Tổng dầu, mỡ động thực vật(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,3	10	20
Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2000	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*

Được quét bằng CamScanner

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

ilac-MRA

BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM

VILAS 154

VIMCERTS 024

33 31/11/2022 /QTTNMT-KQ

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Cán thép Thái Nguyên
4	Loại mẫu	Khí thải
5	Ký hiệu mẫu	KTOK-3.23a.4-7
6	Vị trí mẫu	Tại ống khói lò nung
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'18,3" Vĩ độ: 21o33'26,8"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 7242:2003; US EPA method 1÷5; US EPA method 7; US EPA method 8; JIS K 0099:2004
9	Ngày lấy mẫu	12/10/2022
10	Ngày phân tích	13/10/2022 đến 20/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 51:2017/BTNMT (A1)
1	Nhiệt độ(*)	US EPA method 5	oC	443	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA method 2	m^3/phút	1153	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA method 5	mg/Nm^3	<20	200
4	CO(*)	TCVN 7242:2003	mg/Nm^3	<63	1000
5	NO_x(*)	US EPA method 7	mg/Nm^3	9,4	850
6	SO_2(*)	US EPA method 8	mg/Nm^3	30,7	500
7	NH_3(*)	JIS K 0099:2004	mg/Nm^3	10,7	-

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép*

Được quét bằng CamScanner

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

ilac-MRA

BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM

VILAS 154

Số 3724/2022 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Cán thép Thái Nguyên
4	Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
5	Ký hiệu mẫu	**NTSH-3.23a.4-7**
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sinh hoạt số 1
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'14,2" Vĩ độ: 21o33'31,6"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
9	Ngày lấy mẫu	12/10/2022
10	Ngày phân tích	13/10/2022 đến 20/10/2022

T	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT	
					A	B
	pH	TCVN 6492:2011	-	7,7	5-9	5-9
	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	2,84	30	50
	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<15	-	-
	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	<2,5	50	100
	Pb	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	-	-
	Cu	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0015	-	-
	Zn	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,01	-	-
	Tổng dầu, mỡ động thực vật(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,3	10	20
	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2500	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

NHÀ MÁY CÁN THÉP THÁI NGUYÊN

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

QUÝ IV NĂM 2022

Thái Nguyên, Năm 2022

Được quét bằng CamScanner

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

QUÝ IV NĂM 2022 NHÀ MÁY LUYỆN GANG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3694/2022 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện Gang
4	Loại mẫu	Khí thải
5	Ký hiệu mẫu	**KTOK-3.23a.4-5**
6	Vị trí mẫu	Ống khói lò thiêu kết số 1
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'11,0" Vĩ độ: 21o33'41,6"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 7242:2003; US EPA method 1÷5; US EPA method 7; US EPA method 8
9	Ngày lấy mẫu	11/10/2022
10	Ngày phân tích	12/10/2022 đến 19/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 51:2017/BTNMT (A1)
1	Lưu lượng(*)	US EPA method 2	m^3/phút	1713	-
2	Bụi tổng(*)	US EPA method 5	mg/Nm^3	<20	200
3	CO_2(*)	US EPA method 3	%	6,6	-
4	CO(*)	TCVN 7242:2003	mg/Nm^3	<63	-
5	NO_x(*)	US EPA method 7	mg/Nm^3	9,44	850
6	SO_2(*)	US EPA method 8	mg/Nm^3	34,9	500
7	H_2S(**)	JIS K 0108:2010	mg/Nm^3	<0,9	-

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia - VIMCERTS 251*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3695/2022 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện Gang
4	Loại mẫu	Khí thải
5	Ký hiệu mẫu	**KTOK-3.23a.4-6**
6	Vị trí mẫu	Ống khói lò thiêu kết số 2
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'11,3" Vĩ độ: 21o33'41,9"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 7242:2003; US EPA method 1÷5; US EPA method 7; US EPA method 8
9	Ngày lấy mẫu	11/10/2022
10	Ngày phân tích	12/10/2022 đến 19/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 51:2017/BTNMT (A1)
1	Lưu lượng(*)	US EPA method 2	m^3/phút	4236	-
2	Bụi tổng(*)	US EPA method 5	mg/Nm^3	<20	200
3	CO_2(*)	US EPA method 3	%	6,6	-
4	CO(*)	TCVN 7242:2003	mg/Nm^3	<63	-
5	NO_x(*)	US EPA method 7	mg/Nm^3	10,39	850
6	SO_2(*)	US EPA method 8	mg/Nm^3	32,2	500
7	H_2S(**)	JIS K 0108:2010	mg/Nm^3	<0,9	-

Thái Nguyên, ngày 2 5 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích

*- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*

*- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia - VIMCERTS 251*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

ilac-MRA

BUREAU OF ACCREDITATION VIET NAM
VILAS 154

Số 3696/2022 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện Gang
4	Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
5	Ký hiệu mẫu	**NTSH-3.23a.4-4**
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả số 4
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'04,0" Vĩ độ: 21o33'37,6"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 8880:2011; TCVN 6663-3:2016
9	Ngày lấy mẫu	11/10/2022
10	Ngày phân tích	12/10/2022 đến 19/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,7	5-9	5-9
2	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	3,14	30	50
3	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	42,5	50	100
4	NH_4^+-N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
5	Tổng dầu, mỡ động thực vật(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,3	10	20
6	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	4600	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3698/2022 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện Gang
4	Loại mẫu	Nước thải sản xuất
5	Ký hiệu mẫu	**NTSX-3.23a.4-5**
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả số 5
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'13,2" Vĩ độ: 21o33'32,2"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 8880:2011; TCVN 6663-3:2016
9	Ngày lấy mẫu	11/10/2022
10	Ngày phân tích	12/10/2022 đến 19/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 52:2017/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,2	6-9	6-9
2	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	2	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<15	75	150
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	18,9	50	100
5	As	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0031	-	-
6	Hg	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	0,005	0,01
7	Pb	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0016	0,1	0,5
8	Cd	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	0,05	0,1
9	Fe	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,33	1	5
10	Tổng Cr	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0019	0,2	0,5
11	CN^-	SMEWW 4500-CN-C&E	mg/L	<0,01	0,1	0,5
12	NH_4^+-N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
13	PO_4^{3-}-P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,1	-	-
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	<0,01	0,1	0,5
15	Tổng dầu khoáng(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,3	5	10
16	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	600	-	-

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*

SMEWW: *Standard methods for the examination of water and wastewater*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3699/2022 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện Gang
4	Loại mẫu	Nước thải sản xuất
5	Ký hiệu mẫu	**NTSX-3.23a.4-6**
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả số 2
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'13,3" Vĩ độ: 21o33'35,0"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 8880:2011; TCVN 6663-3:2016
9	Ngày lấy mẫu	11/10/2022
10	Ngày phân tích	12/10/2022 đến 19/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 52:2017/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,6	6-9	6-9
2	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	2	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<15	75	150
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	18,6	50	100
5	As	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0031	-	-
6	Hg	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	0,005	0,01
7	Pb	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0017	0,1	0,5
8	Cd	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	0,05	0,1
9	Fe	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,3	1	5
10	Tổng Cr	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0016	0,2	0,5
11	CN^-	SMEWW 4500-CN-C&E	mg/L	<0,01	0,1	0,5
12	NH_4^+-N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
13	PO_4^{3-}-P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,1	-	-
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	<0,01	0,1	0,5
15	Tổng dầu khoáng(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,3	5	10
16	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2000	-	-

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*

SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ QUÝ IV NĂM 2022 CỦA NHÀ MÁY LUYỆN THÉP LƯU XÁ

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 35 11 / 2022 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện thép Lưu Xá
4	Loại mẫu	Khí thải
5	Ký hiệu mẫu	**KTOK-3.23a.4-1**
6	Vị trí mẫu	Tại ống khói lò luyện thép EAF số 1
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'25,1" Vĩ độ: 21o33'20,7"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 7242:2003; US EPA method 1÷5; US EPA method 7; US EPA method 8
9	Ngày lấy mẫu	10/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 14/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 51:2017/BTNMT (A1)
1	Bụi tổng(*)	US EPA method 5	mg/Nm^3	28	200
2	CO(*)	TCVN 7242:2003	mg/Nm^3	<63	1000
3	CO_2(*)	US EPA method 3	mg/Nm^3	5	-
4	NOx(*)	US EPA method 7	mg/Nm^3	19,8	850
5	SO_2(*)	US EPA method 8	mg/Nm^3	31,6	500

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3512/2022 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện thép Lưu Xá
4	Loại mẫu	Khí thải
5	Ký hiệu mẫu	**KTOK-3.23a.4-2**
6	Vị trí mẫu	Tại ống khói lò luyện SCCS số 2
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'27,4" Vĩ độ: 21o33'17,1"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 7242:2003; US EPA method 1÷5; US EPA method 7; US EPA method 8
9	Ngày lấy mẫu	10/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 14/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 51:2017/BTNMT (A1)
1	Bụi tổng(*)	US EPA method 5	mg/Nm^3	71	200
2	CO(*)	TCVN 7242:2003	mg/Nm^3	<63	1000
3	CO_2(*)	US EPA method 3	mg/Nm^3	5	-
4	NOx(*)	US EPA method 7	mg/Nm^3	18,8	850
5	SO_2(*)	US EPA method 8	mg/Nm^3	32,1	500

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3513/2022 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện thép Lưu Xá
4	Loại mẫu	Khí thải
5	Ký hiệu mẫu	**KTOK 3.23a.4-1**
6	Vị trí mẫu	Tại ống khói lò luyện thép EAE số 1
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'25,1" Vĩ độ: 21o33'20,7"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo IJS K 0108:2010
9	Ngày lấy mẫu	11/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 14/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 51:2017/BTNMT (A1)
1	H2S(**)	JIS K 0108:2010	mg/Nm^3	<0,9	-

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia - VIMCERTS 251*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3514 /2022 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện thép Lưu Xá
4	Loại mẫu	Khí thải
5	Ký hiệu mẫu	**KTOK 3.23a.4-2**
6	Vị trí mẫu	Tại ống khói lò luyện SCCS số 2
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'27,4" Vĩ độ: 21o33'17,1"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo IJS K 0108:2010
9	Ngày lấy mẫu	11/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 14/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 51:2017/BTNMT (A1)
1	H2S(**)	JIS K 0108:2010	mg/Nm^3	<0,9	-

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia - VIMCERTS 251*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 367/2022 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện thép Lưu Xá
4	Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
5	Ký hiệu mẫu	**NTSH-3.23a.4-1**
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sinh hoạt số 4
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'24,8" Vĩ độ: 21o33'42,5"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 8880:2011; TCVN 6663-3:2016
9	Ngày lấy mẫu	10/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 18/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	5-9	5-9
2	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	3,14	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<15	-	-
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	12,2	50	100
5	PO_4^{3-}-P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	0,74	6	10
6	NH4+-N	TCVN 5988:1995	mg/L	1,7	5	10
7	Tổng dầu, mỡ động thực vật(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,3	10	20
8	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2800	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3676/2022 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện thép Lưu Xá
4	Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
5	Ký hiệu mẫu	**NTSH-3.23a.4-2**
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sinh hoạt số 3
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'13,6" Vĩ độ: 21o33'44,6"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 8880:2011; TCVN 6663-3:2016
9	Ngày lấy mẫu	10/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 18/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7	5-9	5-9
2	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	<2	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<15	-	-
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	6,2	50	100
5	PO_4^{3-}-P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	0,76	6	10
6	NH4+-N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
7	Tổng dầu, mỡ động thực vật(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,3	10	20
8	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1500	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 367T/2022 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện thép Lưu Xá
4	Loại mẫu	Nước thải sản xuất
5	Ký hiệu mẫu	**NTSX-3.23a.4-1**
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sản xuất số 1
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'26,1" Vĩ độ: 21o33'49,0"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 8880:2011; TCVN 6663-3:2016
9	Ngày lấy mẫu	10/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 18/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 52:2017/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6-9	6-9
1	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	2	30	50
2	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<15	75	150
3	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	9,3	50	100
4	Cd	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	0,05	0,1
5	As	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,004	-	-
6	Fe	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,47	-	-
7	Cu	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,011	2	2
8	Pb	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0014	0,1	0,5
9	Zn	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,01	3	3
10	Mn	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,056	-	-
11	CN-	SMEWW 4500-CN-C&E	mg/L	<0,01	-	-
12	Tổng dầu khoáng(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,3	5	10
13	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1000	-	-

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 52:2017/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sản xuất thép*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3678/2022 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Luyện thép Lưu Xá
4	Loại mẫu	Nước thải sản xuất
5	Ký hiệu mẫu	**NTSX-3.23a.4-2**
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sản xuất số 2
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'10,2" Vĩ độ: 21o33'50,1"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 8880:2011; TCVN 6663-3:2016
9	Ngày lấy mẫu	10/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 18/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 52:2017/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,7	6-9	6-9
1	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	2	30	50
2	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<15	75	150
3	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	13,8	50	100
4	Cd	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	0,05	0,1
5	As	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0038	-	-
6	Fe	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,42	-	-
7	Cu	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0309	2	2
8	Pb	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0134	0,1	0,5
9	Zn	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,064	3	3
10	Mn	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,08	-	-
11	CN-	SMEWW 4500-CN-C&E	mg/L	<0,01	-	-
12	Tổng dầu khoáng(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,3	5	10
13	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1200	-	-

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 52:2017/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sản xuất thép*

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ QUÝ IV NĂM 2022

NHÀ MÁY CỐC HÓA

Scanned with CamScanner

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

VIMCERTS 024

Số 3690/2022 /QTTNMT-KQ

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Cốc Hóa
4	Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
5	Ký hiệu mẫu	NTSH-3.23a.4-3
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sinh hoạt số 2 của Nhà máy
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'27,0" Vĩ độ: 21o33'54,4"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 8880:2011; TCVN 6663-3:2016
9	Ngày lấy mẫu	10/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 18/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,6	5-9	5-9
2	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	22,5	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	37,96	-	-
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	28,1	50	100
5	As	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0039	-	-
6	Pb	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	-	-
7	Cd	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	-	-
8	Hg	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0006	-	-
9	NH_4^+-N	TCVN 5988:1995	mg/L	1,7	5	10
10	PO_4^{3-}-P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,1	6	10
11	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	<3	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*

Scanned with CamScanner

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

VIMCERTS 024

5 3691/2022 /QTTNMT-KQ

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Cốc Hóa
4	Loại mẫu	Nước thải sản xuất
5	Ký hiệu mẫu	NTSX-3.23a.4-3
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sản xuất số 1 của Nhà máy
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'15,6" Vĩ độ: 21o33'50,3"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 8880:2011; TCVN 6663-3:2016
9	Ngày lấy mẫu	10/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 18/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6-9	5,5-9
2	BOD_5	SMEWW 5210B:2017	mg/L	<2	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<15	75	150
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	32,6	50	100
5	As	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0035	0,05	0,1
6	Hg	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0032	0,005	0,01
7	Pb	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	0,1	0,5
8	Cd	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0005	0,05	0,1
9	CN^-	SMEWW 4500-CN-C&E	mg/L	<0,01	0,07	0,1
10	PO_4^{3-}-P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,1	-	-
11	NH_4^+-N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
12	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	<0,01	0,1	0,5
13	Tổng dầu khoáng(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,3	5	10
14	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1700	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp*

Scanned with CamScanner

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: ccmp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3692/2022 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Cốc Hóa
4	Loại mẫu	Khí thải
5	Ký hiệu mẫu	**KTOK-3.23a.4-3**
6	Vị trí mẫu	Tại ống khói lò nung cốc
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'02,2" Vĩ độ: 21o33'48,9"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 7242:2003; US EPA method 1+5; US EPA method 7; US EPA method 8
9	Ngày lấy mẫu	10/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 18/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 51:2017/BTNMT (A1) Công đoạn sản xuất cốc
1	Lưu lượng(*)	US EPA method 2	m3/phút	2826	-
2	Nhiệt độ(*)	US EPA method 5	oC	228	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA method 5	mg/Nm^3	31	200
4	NO_x(*)	US EPA method 7	mg/Nm^3	22,6	850
5	SO_2(*)	US EPA method 8	mg/Nm^3	42,8	500
6	CO(*)	TCVN 7242:2003	mg/Nm^3	<63	-
7	Phenol(**)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH	-

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Công ty Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia- VIMCERTS 251...*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN ...BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép (Công đoạn sản*

Scanned with CamScanner

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

VILAS 154

Số 3693/2022 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2022 cho Nhà máy Cốc Hóa
4	Loại mẫu	Khí thải
5	Ký hiệu mẫu	**KTOK-3.23a.4-4**
6	Vị trí mẫu	Tại ống khói của tháp dập cốc
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o52'20,0" Vĩ độ: 21o33'46,0"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 7242:2003; US EPA method 1÷5; US EPA method 7; US EPA method 8
9	Ngày lấy mẫu	10/10/2022
10	Ngày phân tích	11/10/2022 đến 18/10/2022

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 51:2017/BTNMT (A1) Công đoạn sản xuất cốc
1	Lưu lượng(*)	US EPA method 2	m3/phút	66	-
2	Nhiệt độ(*)	US EPA method 5	oC	70	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA method 5	mg/Nm^3	25	200
4	NO_x(*)	US EPA method 7	mg/Nm^3	20,7	850
5	SO_2(*)	US EPA method 8	mg/Nm^3	40,1	500
6	CO(*)	TCVN 7242:2003	mg/Nm^3	<63	-
7	Phenol(**)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH	-

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Nga	Trịnh Đức Cường	Nguyễn Minh Tùng

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017*
- *Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Công ty Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia- VIMCERTS 251...*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép (Công đoạn sản xuất cốc)*

Scanned with CamScanner

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ
QUÝ 4 NĂM 2022 MỎ THAN PHÁN MỄ

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
(VILAS 386 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 Email: dcmt386@gmail.com

ISO 9001:2015

VILAS 386

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00314/2022/PKQ (2116.02W2211.340-342)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN- MỎ THAN PHẤN MỄ**
Địa chỉ : Thị trấn Giang Tiên- Huyện Phú Lương- TP. Thái Nguyên
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 3
Thời gian lấy mẫu : 09/11/2022
Thời gian thử nghiệm : 09/11/2022 - 28/11/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 40:2011/ BTNMT
				02W2211.340	02W2211.341	02W2211.342	Cột B
1.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	-	11	-	**150**
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	7,2	7,2	**5,5 ÷ 9**
3.	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	-	7	8	**50**
4.	COD	mg/L	SMEWW5220C:2017	26	24	28	**150**
5.	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	30	28	28	**100**
6.	Độ cứng (tính theo CaCO3)(*)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	900	930	-	-
7.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0047	0,0071	-	**0,1**
8.	Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0007	<0,0007	-	**0,1**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 40:2011/ BTNMT
				02W2211.340	02W2211.341	02W2211.342	Cột B
9.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0031	<0,0003	-	**0,01**
10.	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0008	<0,0008	<0,0008	**0,5**
11.	Cr^{6+}	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2017	-	<0,003	-	**0,1**
12.	Cr^{3+}	mg/L	US EPA 200.8 + SMEWW 3500Cr.B:2017	-	<0,003	-	**1**
13.	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	-	<0,0008	<0,0008	**2**
14.	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,015	0,106	0,165	**3**
15.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 2510B:2017	2,6	1,2	1,0	**10**
16.	Ni	mg/L	US EPA Method 200.8	-	0,0393	-	**0,5**
17.	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,426	0,423	0,0092	**1**
18.	Sunfat (SO_4^{2-})(*)	mg/l	SMEWW 4500-SO42- E:2017	912	953	-	-
19.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	0,63	0,39	0,28	**5**
20.	Tổng xianua	mg/L	SMEWW4500-CN-.C&E:2017	-	0,005	-	**0,1**
21.	Tổng phenol	mg/L	SMEWW 5530D:2017	-	<0,01	-	**0,5**
22.	Sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500 S2-.B&D:2017	-	<0,02	-	**0,5**
23.	NH_4^+_N	mg/L	SMEWW4500-NH3.B&F:2017	-	0,18	-	**10**
24.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,003	<0,003	-	-

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
(VILAS 386 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 Email: dcmt386@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 40:2011/ BTNMT
				02W2211.340	02W2211.341	02W2211.342	Cột B
25.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO3-.E:2017	0,37	0,19	-	-
26.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	-	1,5	-	40
27.	Tổng Photpho	mg/L	SMEWW-P.B&E:2017	-	3,3	-	6
28.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&E:2017	$1,2x10^3$	$1,4x10^3$	$1,7x10^3$	5.000

Ghi chú:

- ***QCVN 40:2011/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp*
- ***02W2211.340:*** *Nước thải hầm lò trước xử lý (tuyến 9-12)*
- ***02W2211.341:*** *Nước thải hầm lò sau bể lắng thải ra ngoài môi trường (tuyến 9-12)*
- ***02W2211.342:*** *Nước tại hồ lắng nước thải sinh hoạt và nước bề mặt phía trước sân (hố lưu chứa nước cuối cùng)*
- *(-): Thông số không yêu câu phân tích; quy chuẩn không quy định*
- *(*): Làm theo yêu cầu của khách hàng*

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Phan Quang Thăng	Nguyễn Thị Hường	Nguyễn Trần Điện

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
(VILAS 386 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: Phòng 100, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 Email: dcmt386@gmail.com

ISO 9001:2015

VILAS 386

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00314.1/2022/PKQ (2116.02W2211.343-344)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN- MỎ THAN PHẤN MỄ**
Địa chỉ : Thị trấn Giang Tiên- Huyện Phú Lương- TP. Thái Nguyên
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 02
Thời gian lấy mẫu : 09/11/2022
Thời gian thử nghiệm : 09/11/2022 - 28/11/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT
				02W2211.343	02W2211.344	Cột B
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	7,2	**5 ÷ 9**
2.	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-2:2008	4	3	**50**
3.	COD	mg/L	SMEWW5220C:2017	16	13	-
4.	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	19	15	**100**
5.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,001	0,0075	-
6.	Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0007	<0,0007	-
7.	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0008	<0,0008	-
8.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0003	<0,0003	-
9.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	0,43	-	-
10.	NH_4^+_N	mg/L	SMEWW4500-NH3.B&F:2017	0,27	0,18	**10**
11.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&E:2017	940	900	**5.000**
12.	Sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500 S2-.B&D:2017	-	<0,02	**4**
13.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	-	2,2	-
14.	Tổng Photpho	mg/L	SMEWW-P.B&E:2017	-	0,31	-

Ghi chú:

*- **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

*- **02W2211.343:** Điểm xả nước thải sinh hoạt khu vực PX cơ điện*

*- **02W2211.344:** Nước thải sinh hoạt tại cống thải ra ngoài môi trường (khu vực PX hầm lò Nam Làng Cẩm)*

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Phan Quang Thăng	Nguyễn Thị Hường	Nguyễn Trần Điện

VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
(VILAS 386 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: [illegible] 291 2614 Email: dcmt386@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00215.1/2022/PKQ (2059.02W2211.162)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN - MỎ SẮT TIẾN BỘ**
Địa chỉ : Xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 01-03/11/2022
Thời gian thử nghiệm : 01/11/2022 - 18/11/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				02W2211.162	Cột B
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	5 ÷ 9
2.	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5	50
3.	COD	mg/L	SMEWW5220C:2017	16	-
4.	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	25	100
5.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	QT-HT.02	13	1.000
6.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,001	-
7.	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0008	-
8.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0003	-
9.	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0886	-
10.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<1,0	20
11.	Sunfat (SO_4^{2-})(*)	mg/l	SMEWW 4500-SO_4^{2-}.E:2017	5,57	-
12.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	0,7	-
13.	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	0,34	10
14.	Sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500 S2-.B&D:2017	<0,02	4
15.	NH_4^+_N	mg/L	SMEWW4500-NH3.B&F:2017	0,48	10

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
(VILAS 386 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 Email: dcmt386@gmail.com

JAS-ANZ
QUACERT
ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				02W2211.162	Cột B
16.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO3-.E:2017	0,51	50
17.	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&E:2017	940	5.000

Ghi chú:

*- **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*

*- **02W2211.162:** 10. Mẫu nước thải sinh hoạt khu văn phòng mỏ (tại vị trí cửa xả nước thải trước khi đổ vào mương nội đồng)*

- (*): Làm theo yêu cầu của khách hàng

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Phan Quang Thăng	Nguyễn Thị Hường	Nguyễn Trần Điện

VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.